



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/6/2015: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 039.3859708
- Fax: (84) 039.3892839
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối ngày 30/06/2015 là 30 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Hoàng Lê Bách | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Ông Đồng Văn Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Ông Lê Anh Quân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/4/2015 |
| • Ông Hồ Phương Nam | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/08/2014
Miễn nhiệm ngày 05/04/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Đào Thị Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/05/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|---------------------|------------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Quyền Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Bà Hồ Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 895/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 30/07/2015 của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Một số khoản nợ phải thu 540.208.647 đồng, nợ phải trả 696.465.576 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 30/06/2015. Hạn chế này, Kiểm toán viên không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay do hạn chế từ phía Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1


Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.798.807.980	3.546.985.840
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.206.207.346	785.233.303
1. Tiền	111	5	1.206.207.346	785.233.303
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.509.022.794	133.446.911
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.213.512.224	1.012.956.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	53.805.614	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8a	1.046.611.006	960.161.006
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	192.608.546	185.667.699
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.005.760.996)	(2.025.338.125)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	8.246.400	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.924.060.186	2.463.526.986
1. Hàng tồn kho	141	12	4.932.617.060	2.474.037.643
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.556.874)	(10.510.657)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		159.517.654	164.778.640
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	52.689.394	3.268.900
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.707.815	115.389.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18b	46.120.445	46.120.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.008.618.479	22.470.124.946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		407.200.500	125.275.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8b	407.200.500	125.275.000
II. Tài sản cố định	220		4.598.619.456	4.576.020.935
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.883.415.456	3.860.816.935
- Nguyên giá	222		5.614.389.882	5.419.320.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.730.974.426)	(1.558.503.502)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	715.204.000	715.204.000
- Nguyên giá	228		747.204.000	747.204.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	17.529.613.933	17.540.854.016
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(470.386.067)	(459.145.984)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		473.184.590	227.974.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	473.184.590	227.974.995
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.807.426.459	26.017.110.786

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.920.749.071	4.202.717.559
I. Nợ ngắn hạn	310		9.920.749.071	4.202.717.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.572.079.706	2.950.187.072
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.609.267	32.235.646
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18a	37.000.000	87.601.500
4. Phải trả người lao động	314		-	23.048.552
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	6.786.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.315.635.475	308.434.166
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.945.000.000	745.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.424.623	49.424.623
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.886.677.388	21.814.393.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	21.886.677.388	21.814.393.227
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	543.920.951	543.920.951
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(1.605.693.944)	(1.677.978.105)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.677.978.105)	(35.196.310)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.284.161	(1.642.781.795)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.807.426.459	26.017.110.786

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	12.913.208.495	2.780.694.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		12.913.208.495	2.780.694.512
4. Giá vốn hàng bán	11	24	11.385.384.240	2.535.372.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>1.527.824.255</u>	<u>245.321.952</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	78.108.244	449.525.685
7. Chi phí tài chính	22	26	31.765.156	1.808.617.738
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.133.789	9.078.548
8. Chi phí bán hàng	25	27a	791.309.523	640.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	798.044.508	1.886.159.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(15.186.688)</u>	<u>(3.000.569.474)</u>
11. Thu nhập khác	31	28	87.695.804	2.100.250
12. Chi phí khác	32		224.955	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>87.470.849</u>	<u>2.100.250</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>72.284.161</u>	<u>(2.998.469.224)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>72.284.161</u>	<u>(2.998.469.224)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	32	(1.344)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		32	(1.344)

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	11.497.006.530	1.438.540.612
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(11.383.961.655)	(1.564.261.999)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(894.146.616)	(212.432.900)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.926.253)	(4.219.084)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	705.064.603	363.345.603
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(838.922.810)	(289.468.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(926.886.201)	(268.496.463)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(126.975.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	196.727.000	182.598.960
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.108.244	404.107.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	147.860.244	586.706.035
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.293.200.000	344.357.150
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.093.200.000)	(384.357.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.200.000.000	(40.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	420.974.043	278.209.572
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	785.233.303	115.493.796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.206.207.346	393.703.368

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục...

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên Giáo dục HBE;
- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HBE.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, ...

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Không thuộc đối tượng chịu thuế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
- ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	174.544.394	31.605.664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.031.662.952	753.627.639
Cộng	1.206.207.346	785.233.303

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Phát hành sách Hà Tĩnh	718.479.586	-
Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	551.044.763
Các đối tượng khác	1.943.987.875	461.911.568
Cộng	3.213.512.224	1.012.956.331

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP XNK Bình Tây	11.591.864	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cường Anh	25.000.000	-
Công ty TNHH Thanh Ngọc Thùy	17.146.250	-
Các đối tượng khác	67.500	-
Cộng	53.805.614	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*)	1.046.611.006	960.161.006
Cộng	<u>1.046.611.006</u>	<u>960.161.006</u>

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ này đến thời điểm 30/06/2015 là 979.096.006 đồng.

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Cho nhân viên vay (*)	407.200.500	125.275.000
Cộng	<u>407.200.500</u>	<u>125.275.000</u>

(*) Cho cán bộ công nhân viên vay theo các nội dung sau:

- Cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Công ty và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Công ty. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Công ty và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Công ty. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty và cán bộ công nhân viên đã ký lại hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.
- Khoản cho cán bộ công nhân viên vay mới trong kỳ, số tiền: 126.975.000 đồng theo các hợp đồng cho vay với thời hạn cho vay là 48 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Tĩnh tại từng thời điểm.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	63.644.371	(63.644.371)	63.644.371	(63.644.371)
Phải thu khác	73.607.675	(36.776.555)	113.882.728	(23.289.935)
Tạm ứng	55.356.500	-	8.140.600	-
Cộng	<u>192.608.546</u>	<u>(100.420.926)</u>	<u>185.667.699</u>	<u>(86.934.306)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	1.976.825.996	2.025.338.125
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	28.935.000	-
Cộng	<u>2.005.760.996</u>	<u>2.025.338.125</u>

b. Nợ xấu

	30/06/2015				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Ghi chú
Phải thu khách hàng					
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	72.344.008	-	Trên 3 năm	-	- Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	-	- Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
Cộng	<u>623.388.771</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	

	31/12/2014				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Ghi chú
Phải thu khách hàng					
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	72.344.008	-	Trên 3 năm	-	- Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm	-	- Không có khả năng thu hồi do mất khả năng thanh toán
Cộng	<u>623.388.771</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng hóa thiếu sau kiểm kê			-	-
- Vỡ kệ ngang	1.920 quyển	8.246.400		
Cộng		8.246.400		-

12. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.932.617.060	(8.556.874)	2.474.037.643	(10.510.657)
Cộng	4.932.617.060	(8.556.874)	2.474.037.643	(10.510.657)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015 là 45.027.680 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch bán giảm giá đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2015.
- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoàn nhập lại dự phòng giảm giá hàng tồn kho của những mặt hàng đã trích lập tại thời điểm 31/12/2014 do đã tiêu thụ được trong 6 tháng đầu năm 2015.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí bảo hiểm	-	3.268.900
Chi phí sửa chữa tài sản	10.856.061	-
Chi phí bảo trì phần mềm	4.833.333	-
Chi phí thuê đất 6 tháng cuối năm 2015	37.000.000	-
Cộng	52.689.394	3.268.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	214.638.271	41.563.303
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*)	184.201.277	186.411.692
Chi phí sửa chữa nhà kho, nhà sách	74.345.042	-
Cộng	473.184.590	227.974.995

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m² đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	4.858.020.437	561.300.000	5.419.320.437
Mua sắm trong kỳ	-	195.069.445	195.069.445
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	4.858.020.437	756.369.445	5.614.389.882
Khấu hao			
Số đầu kỳ	1.301.241.002	257.262.500	1.558.503.502
Khấu hao trong kỳ	122.731.541	49.739.383	172.470.924
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.423.972.543	307.001.883	1.730.974.426
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.556.779.435	304.037.500	3.860.816.935
Số cuối kỳ	3.434.047.894	449.367.562	3.883.415.456

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	715.204.000	-	715.204.000
Số cuối kỳ	715.204.000	-	715.204.000

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m² tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 32.000.000 đồng.

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	30/06/2015		31/12/2014	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Đang hoạt động	100%	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Giải thể (*)	100%	4.500.000.000	470.386.067	4.500.000.000	459.145.984
Cộng			18.000.000.000	470.386.067	18.000.000.000	459.145.984

(*) Ngày 10/7/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh đã ra thông báo về việc giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại HBE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	-	2.193.468.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.270.952.205	425.624.702
Các đối tượng khác	1.301.127.501	331.093.870
Cộng	3.572.079.706	2.950.187.072

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	14.279.188	242.074.570
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2.270.952.205	425.624.702
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Công ty con	-	2.193.468.500
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Công ty con	35.701.042	-
Các đối tượng khác		131.239.777	10.845.947
Cộng		2.452.172.212	2.872.013.719

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	87.601.500	42.142.500	92.744.000	37.000.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	87.601.500	45.142.500	95.744.000	37.000.000

b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.120.445	-	-	46.120.445
Cộng	46.120.445	-	-	46.120.445

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	16.860.853	-
Kinh phí công đoàn	90.379.683	42.698.044
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	19.248.430	8.356.589
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	13.067.000	94.859.464
- Lãi vay phải trả	13.067.000	4.859.464
- Phải trả khác	-	90.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	4.029.613.933	-
Phải trả khác	146.465.576	162.520.069
Cộng	4.315.635.475	308.434.166

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	1.093.200.000	1.093.200.000	-
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	-	900.000.000	-	900.000.000
Vay ngắn hạn (cá nhân) (*)	195.000.000	300.000.000	-	495.000.000
Sở Tài chính (**)	550.000.000	-	-	550.000.000
Cộng	745.000.000	2.293.200.000	1.093.200.000	1.945.000.000

(*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn; Theo đó, đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(**) Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	22.310.580.000	637870381	543.920.951	(35.196.310)	23.457.175.022
Tăng trong năm	-	-	-	(1.642.781.795)	(1.642.781.795)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>543.920.951</u>	<u>(1.677.978.105)</u>	<u>21.814.393.227</u>
Số dư tại 01/01/2015	22.310.580.000	637.870.381	543.920.951	(1.677.978.105)	21.814.393.227
Tăng trong kỳ	-	-	-	72.284.161	72.284.161
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>543.920.951</u>	<u>(1.605.693.944)</u>	<u>21.886.677.388</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	11.149.230.000	11.149.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.161.350.000	11.161.350.000
Cộng	<u>22.310.580.000</u>	<u>22.310.580.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.231.058	2.231.058
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(1.677.978.105)	(35.196.310)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	72.284.161	(1.642.781.795)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(1.605.693.944)</u>	<u>(1.677.978.105)</u>

22. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh	6.503.952	Nợ không thu hồi được
Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí)	9.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà	10.100.000	Nợ không thu hồi được
Nợ khó đòi đã xử lý khác	37.799.917	Nợ không thu hồi được
Cộng	<u>63.653.869</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	10.333.940.980	2.470.092.333
Doanh thu thiết bị giáo dục	380.793.479	-
Doanh thu văn phòng phẩm	1.215.299.923	-
Doanh thu hàng hóa thương mại khác	983.174.113	-
Doanh thu dịch vụ	-	310.602.179
Cộng	12.913.208.495	2.780.694.512

b. Doanh thu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Công ty con	-	2.470.092.333
- Doanh thu bán hàng		-	2.470.092.333
Cộng		-	2.470.092.333

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	9.450.029.572	2.446.720.409
Giá vốn thiết bị giáo dục	313.069.800	-
Giá vốn văn phòng phẩm	873.326.229	-
Giá vốn hàng hóa thương mại khác	748.958.639	-
Giá vốn dịch vụ	-	88.652.151
Cộng	11.385.384.240	2.535.372.560

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.778.623	44.783.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.329.621	404.742.610
Cộng	78.108.244	449.525.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	20.133.789	9.078.548
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.240.083	1.799.169.816
Chi phí tài chính khác	391.284	369.374
Cộng	31.765.156	1.808.617.738

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	605.536.884	-
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	131.094.522	-
Các khoản khác	54.678.117	640.000
Cộng	791.309.523	640.000

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	392.770.264	197.897.172
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	91.862.697	123.037.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.807.031	20.773.108
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.577.129)	1.377.052.554
Các khoản khác	292.181.645	167.399.025
Cộng	798.044.508	1.886.159.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Phạt vi phạm hợp đồng lao động	24.000.000	-
Tặng phí phát hành sách	18.491.100	-
Bán thanh lý giá kệ	38.390.909	-
Các khoản khác	6.813.795	2.100.250
Cộng	87.695.804	2.100.250

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.284.161	(2.998.469.224)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(72.284.161)	(378.373.236)
Điều chỉnh tăng	391.284	26.369.374
- Lãi chậm nộp BHXH	391.284	369.374
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	-	26.000.000
Điều chỉnh giảm	72.675.445	404.742.610
- Cổ tức lợi nhuận được chia	54.329.621	404.742.610
- Chuyển lỗ các năm trước	18.345.824	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(3.376.842.460)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.284.161	(2.998.469.224)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.284.161	(2.998.469.224)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(1.344)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	16.190.900
Chi phí nhân công	998.307.148	197.897.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.470.924	154.234.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.798.451	142.843.707
Chi phí khác bằng tiền	276.354.637	77.130.008
Cộng	1.608.931.160	588.296.241

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Công ty con
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Công ty con

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	Vay ngắn hạn	900.000.000	169.906.376
	Trả tiền vay	-	169.906.376
	Chi phí lãi vay	13.067.000	4.895.464
	Lợi nhuận được chia	54.329.621	279.324.000
	Mua hàng hóa	46.530.392	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	Trả tiền vay	-	105.748.960
	Lãi cho vay	-	22.568.402
	Lợi nhuận được chia	-	125.418.610
	Mua TSCĐ	195.069.445	-
	Mua CCDC	93.545.720	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua sách các loại	6.857.479.188	1.175.104.206
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	4.118.133.005	1.222.925.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2015	31/12/2014
Nợ phải trả		
Công ty TNHH MTV Thương mại HBE	4.029.613.933	-
Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE	913.067.000	94.859.464
- Lãi vay phải trả	13.067.000	4.859.464
- Phải trả khác	-	90.000.000
- Nợ gốc vay ngắn hạn	900.000.000	-
Cộng	4.942.680.933	94.859.464

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	181.639.000	98.268.339
- Tổng Giám đốc	71.484.000	49.217.339
- Phó Tổng Giám đốc	110.155.000	49.051.000
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hà Tĩnh.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tồn đọng nhiều năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty đang có rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.572.079.706	-	3.572.079.706
Vay và nợ thuê tài chính	1.945.000.000	-	1.945.000.000
Phải trả khác	159.532.576	-	159.532.576
Cộng	5.676.612.282	-	5.676.612.282
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.950.187.072	-	2.950.187.072
Chi phí phải trả	6.786.000	-	6.786.000
Vay và nợ thuê tài chính	745.000.000	-	745.000.000
Phải trả khác	257.379.533	-	257.379.533
Cộng	3.959.352.605	-	3.959.352.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Hiện tại, mặc dù Công ty đang có rủi ro thanh khoản, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.206.207.346	-	1.206.207.346
Phải thu khách hàng	2.287.268.158	-	2.287.268.158
Phải thu về cho vay	67.515.000	407.200.500	474.715.500
Phải thu khác	36.831.120	-	36.831.120
Cộng	3.597.821.624	407.200.500	4.005.022.124

<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	785.233.303	-	785.233.303
Phải thu khách hàng	34.713.518	-	34.713.518
Phải thu về cho vay	-	125.275.000	125.275.000
Phải thu khác	90.592.793	-	90.592.793
Cộng	910.539.614	125.275.000	1.035.814.614

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với qui định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2015